

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28-7-2023

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Chí Tâm

Ông Trương Văn Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Diễm Trinh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 142/2023/TLST – HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2023 về việc Ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Quách P, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền nhận thủ tục tố tụng: Ông Dương N, sinh năm 1991. Địa chỉ liên hệ: ấp H, xã T, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Nguyễn T, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 24/6/2023, bản tự khai nguyên đơn bà Quách P trình bày:

Bà và ông Nguyễn T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện N (nay là thị xã N), tỉnh Sóc Trăng vào ngày 07/5/2012. Thời gian đầu khi mới sống chung với nhau thì vợ chồng bà sống rất vui vẻ và hạnh phúc, nhưng thời gian về sau khoảng đầu năm 2018 thì vợ chồng bà phát sinh nhiều bất đồng quan điểm trong lối sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã với nhau nhưng không ai biết, hiện vợ chồng bà cảm thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên vợ chồng bà muốn trả tự do cho nhau. Bà P yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn T.

Bà và ông T có một con chung là cháu Nguyễn L, sinh ngày 10/11/1998, hiện tại cháu đã có gia đình riêng và có cuộc sống riêng nên bà không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Còn về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn: Không có yêu cầu xem xét, giải quyết.

Ngoài ra bà có đơn xin giải quyết vắng mặt với lý do bà bận công việc, không có thời gian tham gia mỗi khi Tòa án triệu tập, cam kết không khiếu nại.

2/ Theo đơn yêu cầu lập ngày 26/6/2023, bị đơn ông Nguyễn T trình bày: Ông có biết việc bà Quách P nộp đơn khởi kiện ông đến Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm để yêu cầu ly hôn với ông, ông cũng thống nhất nội dung trình bày của bà P trong đơn kiện về quan hệ hôn nhân, con chung, không có tài sản chung và nợ chung. Ông đồng ý ly hôn với bà P; về con chung ông và bà P có một con chung là cháu Nguyễn L, sinh ngày 10/11/1998, nay cháu đã đủ tuổi trưởng thành trên 18 tuổi, hiện đã lập gia đình và có cuộc sống riêng nên ông không có yêu cầu Tòa án xem xét; về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn: Không có yêu cầu xem xét, giải quyết. Ngoài ra ông yêu cầu được giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Quách P và bị đơn ông Nguyễn T vắng mặt nhưng đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn T và bà Quách P được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới và đến ngày 07/5/2012 ông T và bà P là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, ông bà tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện N (nay là thị xã N), tỉnh Sóc Trăng và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà P là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong cuộc sống vợ chồng của ông T và bà P, theo bà P cho rằng quan vợ chồng bà phát sinh nhiều bất đồng quan điểm trong lối sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã với nhau nhưng không ai biết, hiện vợ chồng bà cảm thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên vợ chồng bà muốn trả tự do cho nhau và bà giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông T. Còn ông T cũng có ý kiến thống nhất ly hôn với bà P. Xét thấy, nền tảng của mối quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của ông T và bà P đã không còn sự quan tâm dành cho nhau, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P, cho bà P được ly hôn với ông T.

[3] Về con chung: Ông Nguyễn T và bà Quách P có một con chung là cháu Nguyễn L, sinh ngày 10/11/1998, nay cháu đã đủ tuổi trưởng thành trên 18 tuổi,

hiện đã lập gia đình và có cuộc sống riêng, các đương sự không có yêu cầu Tòa án xem xét cho nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà Quách P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009315 ngày 26/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Ông Nguyễn T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Quách P.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Quách P được ly hôn với ông Nguyễn T.

2/ Về con chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí sơ thẩm: Bà Quách P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009315 ngày 26/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Ông Nguyễn T không phải chịu án phí.

5/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CCTHADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã Q, TXNN;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Vàng